

Số : 3370/QĐ-UBND

Thoại Sơn, ngày 28 tháng 10 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500  
Khu Thương mại và khu dân cư Bắc Công Vong,  
thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt điều chỉnh một phần Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt điều chỉnh một phần Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế Hạ tầng tại Tờ trình số 417/TTr-KTHT ngày 22/10/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Công Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án:** Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Công Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn

**3. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:** Vị trí lập quy hoạch chi tiết thuộc đồ án quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- + Phía Đông giáp Kênh 600;
- + Phía Tây giáp đất dân;
- + Phía Nam giáp kênh Cống Vong;
- + Phía Bắc giáp đất ruộng;

**4. Tính chất:** Là khu kết hợp thương mại dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của người dân trong khu vực

**5. Qui mô:** diện tích đất 4,7 ha. Quy mô dân số: 1.000 người.

**6. Quy hoạch sử dụng đất:**

**BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT**

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>21.126</b>	<b>44,72</b>
<b>2</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>	<b>4.800</b>	<b>10,16</b>
2.1	<i>Khu Bách hóa</i>	2.800	5,93
	- Khối mua bán trong nhà	900	1,91
	- Khu mua bán ngoài trời - Sân bãi	1.900	4,02
2.2	<i>Khu nông sản</i>	2.000	4,23
	- Khối mua bán trong nhà	365	0,77
	- Khu mua bán ngoài trời – Sân bãi	1.619	3,43
	- Nhà vệ sinh	16	0,03
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh – Vui chơi thiếu nhi</b>	<b>2.814</b>	<b>5,96</b>
	- Công viên bờ sông	1.780	3,77
	- Công viên vui chơi thiếu nhi	1.034	2,19
<b>4</b>	<b>Đất khu xử lý nước thải – rác</b>	<b>450</b>	<b>0,95</b>
<b>5</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>18.050</b>	<b>38,21</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.240</b>	<b>100,00</b>

**6.1 Đất ở:** Gồm 11 lô nhà ở liên kế, ký hiệu A, B, C, D...K. Tổng diện tích đất ở 21.126 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 44,72% diện tích đất quy hoạch. Chia thành 248 nền nhà ở liên kế cụ thể:

**BẢNG THỐNG KÊ LÔ NỀN**

Ký hiệu lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số nền
Lô A	624,5	06
Lô B	2.128	28
Lô C	2.128	28
Lô D	2.173	28

Lô E	2.010	18
Lô F	2.998	40
Lô G	1.964	26
Lô H	936,5	10
Lô I	1.984	20
Lô J	1.991	16
Lô K	2.189	28
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.126</b>	<b>248</b>

\* Các chỉ tiêu quản lý xây dựng:

- Mật độ xây dựng:  $70 \div 95\%$  (100%, sau khi trừ khoảng lùi theo chỉ giới xây dựng), nền nhà có diện tích lớn mật độ tuân theo Quy chuẩn xây dựng.

- Tầng cao tối đa: 05 tầng.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Trùng với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp.

+ Lùi tối thiểu 1m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô nền gồm: lô A (A1, A2, A3, A4), B, C, D, F, G, H (H1, H2, H3, H4), K (K26, K27, K28), E (E1 ÷ E3), J (J9 ÷ J11),

+ Lùi tối thiểu 2m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô gồm: lô A (A5, A6), E (E11, E12, E13, E14, E15, E16, E17, E18), H (H5, H6, H7, H8, H9, H10), K (K1 ÷ K25), I (I1 ÷ I20),

+ Lùi tối thiểu 3m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô gồm: E (E4 ÷ E10), J ({J1 ÷ J8} và {J13 ÷ J16})

- Độ vưn ban công tối đa:

+ 1,2m: đối với các lô nền tiếp giáp đường số 1 và đường số 7.

+ 0,9m: đối với các lô nền tiếp giáp đường số 2,3,4,5,6,8.

\* Ghi chú:

- Trên phần nhô ra khỏi chỉ giới đường đỏ:

+ Chỉ được làm ban công, không được che chắn tạo thành lô-gia hay buồng.

+ Tam cấp phía trước được phép nhô ra:  $\leq 0,3$  m

- Trong phạm vi khoảng lùi phía sau nhà chỉ được làm sê nô, ô văng cửa, máng xối, độ vưn ra tối đa  $\leq 0,4$  m

**6.2 Đất công trình thương mại dịch vụ:** Gồm 02 lô, ký hiệu (TM). Diện tích 4.800 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 10,16% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí chợ bách hóa (TM1) và chợ Nông sản (TM2).

a. Khu chợ Bách hóa: Ký hiệu (1), (TM1). Diện tích khu đất 2.800 m<sup>2</sup>

- Mật độ xây dựng:

+ Diện tích xây dựng nhà chợ chính (và các hạng mục công trình có mái che khác) tối đa: 40%.

+ Diện tích đường giao thông thông nội bộ và bãi xe tối thiểu: 25%

+ Diện tích sân vườn, cây xanh tối thiểu: 10%

- Tầng cao tối đa: 3 tầng
- Chỉ giới xây dựng:
  - + Lùi tối thiểu 6m, so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp;

*b. Khu chợ Nông sản:* Ký hiệu: (2), (TM2). Diện tích khu đất 2.200 m<sup>2</sup>

- Mật độ xây dựng:
  - + Diện tích xây dựng nhà chợ chính (và các hạng mục công trình có mái che khác) tối đa: 40%.

- + Diện tích đường giao thông thông nội bộ và bãi xe tối thiểu: 25%

- + Diện tích sân vườn, cây xanh tối thiểu: 10%

- Tầng cao tối đa: 2 tầng

- Chỉ giới xây dựng:

- + Lùi tối thiểu 6m, so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp;

- + Lùi tối thiểu 10m, so với đỉnh kè kênh Cống Vong và kênh 600.

### **6.3. Đất công viên cây xanh và công viên vui chơi thiếu nhi:**

Đất công viên cây xanh tích đất 2.814 m<sup>2</sup>, chiếm 5,96% tổng diện tích đất quy hoạch. Bao gồm:

#### *a. Khu công viên vui chơi thiếu nhi:*

Đất công viên cây xanh kết hợp khu vui chơi trẻ em. Ký hiệu (3), (CX), diện tích 1.034 m<sup>2</sup>, chiếm 2,19% diện tích khu quy hoạch.

- Mật độ xây dựng tối đa : 25%.

- Chiều cao xây dựng tối đa : 01 tầng.

#### *b. Đất công viên cây xanh bờ sông:*

Đất công viên cây xanh cặp bờ kênh 600. Diện tích 1.780 m<sup>2</sup>, chiếm 3,77% diện tích khu quy hoạch, không được phép xây dựng công trình.

### **6.4. Khu xử lý nước thải + Bô rác:**

Khu xử lý nước thải, ký hiệu (4), bố trí tại khu vực ngã ba kênh Cống Vong và kênh 600. Diện tích 450 m<sup>2</sup>.

### **6.5. Đất giao thông – Hạ tầng kỹ thuật:**

Diện tích đất giao thông, bãi xe 18.050 m<sup>2</sup>, chiếm 38,21% tổng diện tích đất quy hoạch.

## **7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

**7.1. San nền:** San nền với cao trình chống lũ tối thiểu +3.00 (so với hệ cao độ Quốc Gia)

**7.2. Giao thông:** Hệ thống đường giao thông theo bảng thống kê như sau:

- Đường số 1 và đường số 7 (MC 1-1): lộ giới 13m (3-7-3).

- Đường số 2,3,4,5,6,8 (MC 2-2): lộ giới 12m (3-6-3).

### **7.3. Thoát nước thải:**

- Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Dự án phải xây dựng khu xử lý nước thải riêng cho khu quy hoạch. Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được thu gom về khu xử lý nước thải tại

khu vực ngã ba kênh Cống Vong và kênh 600 xử lý đạt chuẩn loại A trước khi thải ra kênh Cống Vong.

**7.4 Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:** cấp nước, cấp điện, vệ sinh môi trường... thực hiện theo nội dung và đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo nội dung đồ án.

**8. Tiến độ thực hiện:** 06 tháng kể từ ngày phê duyệt quy hoạch.

**9. Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan thỏa thuận quy hoạch: Sở Xây dựng An Giang.
- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Thoại Sơn.
- Đơn vị lập quy hoạch: Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng AB&C.

**Điều 2.**

1. Giao trách nhiệm UBND thị trấn Núi Sập tổ chức thực hiện công bố quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Cống Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Giao UBND thị trấn Núi Sập chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Cống Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị trấn Núi Sập, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- UBND huyện;
- LĐVP & CBTH: Trung;
- Lưu VT.

BT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Chi

Số: 417 /TTr-KTHT

Thoại sơn, ngày 22 tháng 10 năm 2019

## TỜ TRÌNH

### **Phê duyệt Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và Khu dân cư Bắc Cống Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt điều chỉnh một phần Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt điều chỉnh một phần Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đến năm 2050;

Căn cứ công văn số 1835/SXD-QH ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Sở Xây dựng An Giang về việc hướng dẫn trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các khu chức năng đặc thù;

Phòng Kinh Tế Hạ Tầng kính trình UBND huyện phê duyệt Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Cống Vong, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Cống Vong, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**2. Chủ đầu tư:** UBND huyện Thoại Sơn.

**3. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:** Khu vực lập quy hoạch thuộc đồ án quy hoạch chung thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Phạm vi ranh giới:

- + Phía Đông giáp Kênh 600;
- + Phía Tây giáp đất dân;
- + Phía Nam giáp kênh Công Vong;
- + Phía Bắc giáp đất ruộng;

#### 4. Qui mô:

- Khu đất nghiên cứu quy hoạch nằm trong địa giới hành chính thị trấn Núi Sập có diện tích khoảng 4,724 ha.

- Quy mô dân số: 1.000 người

#### 5. Quy hoạch sử dụng đất:

**BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT**

Stt	Phân loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>21.126</b>	<b>44,72</b>
<b>2</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>	<b>4.800</b>	<b>10,16</b>
2.1	<i>Khu Bách hóa</i>	2.800	5,93
	- Khối mua bán trong nhà	900	1,91
	- Khu mua bán ngoài trời - Sân bãi	1.900	4,02
2.2	<i>Khu nông sản</i>	2.000	4,23
	- Khối mua bán trong nhà	365	0,77
	- Khu mua bán ngoài trời – Sân bãi	1.619	3,43
	- Nhà vệ sinh	16	0,03
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh – Vui chơi thiếu nhi</b>	<b>2.814</b>	<b>5,96</b>
	- Công viên bờ sông	1.780	3,77
	- Công viên vui chơi thiếu nhi	1.034	2,19
<b>4</b>	<b>Đất khu xử lý nước thải – rác</b>	<b>450</b>	<b>0,95</b>
<b>5</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>18.050</b>	<b>38,21</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.240</b>	<b>100,00</b>

**5.1 Đất ở:** Gồm 11 lô nhà ở liên kế, ký hiệu A, B, C, D...K. Tổng diện tích đất ở 21.126 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 44,72% diện tích đất quy hoạch. Chia thành 248 nền nhà ở liên kế cụ thể:

**BẢNG THÔNG KÊ LÔ NỀN**

Ký hiệu lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số nền
Lô A	624,5	06
Lô B	2.128	28
Lô C	2.128	28
Lô D	2.173	28
Lô E	2.010	18
Lô F	2.998	40
Lô G	1.964	26

Lô H	936,5	10
Lô I	1.984	20
<b>Lô J</b>	<b>1.991</b>	<b>16</b>
<b>Lô K</b>	<b>2.189</b>	<b>28</b>
Tổng cộng	21.126	248

\* Các chỉ tiêu quản lý xây dựng

- Mật độ xây dựng: 70 ÷ 95% (100%, sau khi trừ khoảng lùi theo chỉ giới xây dựng), nền nhà có diện tích lớn mật độ tuân theo Quy chuẩn xây dựng.

- Tầng cao tối đa: 05 tầng.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Trùng với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp.

+ Lùi tối thiểu 1m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô nền gồm: lô A (A1, A2, A3, A4), B, C, D, F, G, H (H1, H2, H3, H4), K (K26, K27, K28), E (E1 ÷ E3), J (J9 ÷ J11),

+ Lùi tối thiểu 2m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô gồm: lô A (A5, A6), E (E11, E12, E13, E14, E15, E16, E17, E18), H (H5, H6, H7, H8, H9, H10), K (K1 ÷ K25), I (I1 ÷ I20),

+ Lùi tối thiểu 3m, so với ranh đất tiếp giáp phía sau đối với các lô gồm: E (E4 ÷ E10), J ({J1 ÷ J8} và {J13 ÷ J16})

- Độ vươn ban công tối đa:

+ 1,2m: đối với các lô nền tiếp giáp đường số 1 và đường số 7.

+ 0,9m: đối với các lô nền tiếp giáp đường số 2,3,4,5,6,8.

\* Ghi chú:

- Trên phần nhô ra khỏi chỉ giới đường đỏ:

+ Chỉ được làm ban công, không được che chắn tạo thành lô-gia hay buồng.

+ Tam cấp phía trước được phép nhô ra:  $\leq 0,3$  m

- Trong phạm vi khoảng lùi phía sau nhà chỉ được làm sê nô, ô văng cửa, máng xối, độ vươn ra tối đa  $\leq 0,4$  m

**5.2 Đất công trình thương mại dịch vụ:** Gồm 02 lô, ký hiệu (TM). Diện tích 4.800 m<sup>2</sup>, chiếm tỷ lệ 10,16% diện tích toàn khu quy hoạch. Bố trí chợ bách hóa (TM1) và chợ Nông sản (TM2).

a. *Khu chợ Bách hóa:* Ký hiệu (1), (TM1). Diện tích khu đất 2.800 m<sup>2</sup>

- Mật độ xây dựng:

+ Diện tích xây dựng nhà chợ chính (và các hạng mục công trình có mái che khác) tối đa: 40%,.

+ Diện tích đường giao thông nội bộ và bãi xe tối thiểu: 25%

+ Diện tích sân vườn, cây xanh tối thiểu: 10%

- Tầng cao tối đa: 3 tầng

- Chỉ giới xây dựng:

+ Lùi tối thiểu 6m, so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp;

b. *Khu chợ Nông sản:* Ký hiệu: (2), (TM2). Diện tích khu đất 2.200 m<sup>2</sup>

- Mật độ xây dựng:



- + Diện tích xây dựng nhà chợ chính (và các hạng mục công trình có mái che khác) tối đa: 40%,.
- + Diện tích đường giao thông nội bộ và bãi xe tối thiểu: 25%
- + Diện tích sân vườn, cây xanh tối thiểu: 10%
- Tầng cao tối đa: 2 tầng
- Chỉ giới xây dựng:
  - + Lùi tối thiểu 6m, so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tiếp giáp;
  - + Lùi tối thiểu 10m, so với đỉnh kè kênh Công Vong và kênh 600.

### **5.3 Đất công viên cây xanh và công viên vui chơi thiếu nhi:**

Đất công viên cây xanh tích đất 2.814 m<sup>2</sup>, chiếm 5,96% tổng diện tích đất quy hoạch. Bao gồm:

#### **a. Khu công viên vui chơi thiếu nhi:**

Đất công viên cây xanh kết hợp khu vui chơi trẻ em. Ký hiệu (3), (CX), diện tích 1.034 m<sup>2</sup>, chiếm 2,19% diện tích khu quy hoạch.

- Mật độ xây dựng tối đa : 25%.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 01 tầng.

#### **b. Đất công viên cây xanh bờ sông:**

Đất công viên cây xanh cặp bờ kênh 600. Diện tích 1.780 m<sup>2</sup>, chiếm 3,77% diện tích khu quy hoạch, không được phép xây dựng công trình.

### **5.4 Khu xử lý nước thải + Bô rác:**

Khu xử lý nước thải, ký hiệu (4), bố trí tại khu vực ngã ba kênh Công Vong và kênh 600. Diện tích 450 m<sup>2</sup>.

### **5.5 Đất giao thông – Hạ tầng kỹ thuật:**

Diện tích đất giao thông, bãi xe 18.050 m<sup>2</sup>, chiếm 38,21% tổng diện tích đất quy hoạch.

## **6. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

**6.1. San nền:** +3,0 m (so với hệ cao độ Quốc gia).

**6.2. Giao thông:** Hệ thống đường giao thông theo bảng thống kê như sau:

- Đường số 1 và đường số 7 (MC 1-1): lộ giới 13m (3-7-3).
- Đường số 2,3,4,5,6,8 (MC 2-2): lộ giới 12m (3-6-3).

#### **6.3. Thoát nước thải:**

- Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.
- Dự án phải xây dựng khu xử lý nước thải riêng cho khu quy hoạch. Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được thu gom về khu xử lý nước thải tại khu vực ngã ba kênh Công Vong và kênh 600 xử lý đạt chuẩn loại A trước khi thải ra kênh Công Vong.

*Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:* cấp nước, cấp điện, vệ sinh môi trường... thực hiện theo nội dung và đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo nội dung đề án.

**7. Nội dung khác:** Đề nghị Chủ đầu tư bổ sung các nội dung theo văn bản số 3157/SXD-QH ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Sở Xây Dựng An Giang.

## **8. Tiến độ và tổ chức thực hiện:**

### **8.1. Tiến độ thực hiện:**

- Thực hiện từ khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định, các văn bản có liên quan và Quy hoạch chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Thời gian hoàn thành : 6 tháng khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **8.2. Tổ chức thực hiện:**

- Cơ quan thỏa thuận quy hoạch : Sở Xây dựng.
- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Thoại Sơn.
- Đơn vị lập quy hoạch: Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng AB&C.

Trên đây là nội dung Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và khu dân cư Bắc Cống Vong, kính trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP.LĐ&CBTH.XD;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Huỳnh Lê Trung**